

VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO THỜI ĐÌNH - TIỀN LÊ TRONG VIỆC ĐẶT NỀN MÓNG VỮNG CHẮC CHO PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

P hương châm hành đạo của Phật giáo Việt Nam: Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội đã và đang góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó chính là phương châm đồng hành cùng dân tộc mà nền tảng của nó xuất hiện khi Phật giáo bén rễ vào văn hoá Việt Nam và trở thành nền móng vững vào thời Đinh - Tiền Lê.

Lịch sử dân tộc Việt Nam ghi nhận thời Đinh - Tiền Lê là thời kì bản lề mở đầu cho kỉ nguyên Đại Việt xây dựng nhà nước phong kiến trung ương tập quyền Việt Nam. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc triều đại Đinh - Tiền Lê có được vai trò, vị trí như vậy, trong đó có một nguyên nhân không thể không kể đến đó là vai trò của Phật giáo đương thời. Đóng góp của Phật giáo thời kì này theo chúng tôi thể hiện nổi bật trên hai phương diện: *Một là*: Bước đầu cung cấp cho nhà nước Đinh - Tiền Lê hệ tư tưởng trị nước; *Hai là*: Hoạt động chính sự của các nhà sư. Những trước hết xin bắt đầu bằng những nét khái quát về lịch sử

Phật giáo Việt Nam từ buổi đầu đến đầu thời Đinh.

Phật giáo truyền vào nước ta khoảng đầu Công nguyên; Vào thế kỉ thứ II, nước ta đã hình thành một trung tâm Phật giáo đó là Luy Lâu (huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay). Những tăng sĩ Ấn Độ có công đầu tạo lập trung tâm Luy Lâu. Họ đến Việt Nam bằng đường biển trên các thuyền buôn. Vì vậy Phật giáo Việt Nam được truyền bá trực tiếp từ Ấn Độ, không phải từ Trung Hoa.

Chẳng những thế, các tăng sĩ Ấn Độ còn lấy Luy Lâu làm bàn đạp để truyền đạo sang Bành Thành - Trung Hoa. Khương Tăng Hội người Khương Cư sinh ở Giao Châu, đầu thế kỉ thứ III đến truyền giáo ở hạ lưu sông Dương Tử. Thời gian này ở Giao Châu, 15 bộ kinh được lưu hành, và có khoảng 500 vị tăng sĩ (Thiền Uyển Tập Anh ngữ lục). Trong đó có các tăng sĩ nổi tiếng như Ma Ha Kỳ Vực, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, Mậu Bác...

*. PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Mâu Tử viết *Lí hoặc luận*, sáng tác về Phật giáo cổ nhất ở nước ta bằng chữ Hán. Khương Tăng Hội biên tập cuốn *Lục Độ yếu mục*, chú giải kinh *An ban thủ ý*, *Pháp Cảnh* và *Đạo thọ*, sáng tác *Nê hoàn phạm bối*,...

Khương Tăng Hội (đầu thế kỉ III) là người sáng lập ra Thiên học Việt Nam. Kinh *An ban thủ ý* và *ấn trì nhập* thuộc về thiên có khuynh hướng Tiểu thừa nhưng lại được Khương Tăng Hội giới thiệu theo tư tưởng Đại thừa. Nhằm quảng bá Thiên học trong tinh thần Đại thừa, Khương Tăng Hội đã soạn *Lục bộ tập kinh*. Trong bài tựa *An ban Thủ ý* viết: “An Ban tức là Đại thừa của Chư Phật để tế độ cho chúng sinh đang phiêu trần sinh tử”.

“Như thế, Phật giáo Việt Nam vào đầu thế kỉ thứ III đã hoàn toàn là Phật giáo Đại thừa, có khuynh hướng thần bí và thiên học”⁽¹⁾.

Thế kỉ thứ IV, thứ V và thứ VI, tư liệu về Phật giáo Việt Nam hết sức ít ỏi.

Từ cuối thế kỉ VI lịch sử Phật giáo Việt Nam bắt đầu được thể hiện trong sách: *Thiên Uyển Tập anh ngữ lục*. Đây là tài liệu lịch sử sớm nhất ghi chép về Phật giáo Việt Nam mà chúng ta biết được. Biên soạn sách là tập thể tác giả. Người khởi bút có lẽ là thiền sư Thông Biện (mất năm 1134). Ông thuộc thiên phái Vô Ngôn Thông, căn cứ vào việc ghi chép thì những người tiếp tục cũng thuộc về thiên phái này.

Các thiền sư từ cuối thế kỉ VI đến đầu thế kỉ XIII được *Thiên Uyển Tập anh* ghi chép. Tuy nhiên do các điều kiện và sự hạn chế nên một số vị tăng sĩ Việt Nam

đã không được sách này đề cập như thiền sư Vô Ngại, pháp sư Phụng Đình, pháp sư Duy Giám... trong số họ có những người rất giỏi về kinh luận, được vua Đường mời sang giảng kinh ở cung điện.

Thế kỉ VII và VIII, tăng sĩ Việt Nam có nhiều người có tri thức uyên thâm về Phật giáo. Những người giỏi cả về Phạn ngữ và Hán ngữ, tham gia chú giải kinh Phật. Một số tăng sĩ đến Trung Hoa và Ấn Độ để học hỏi.

Suốt hơn một ngàn năm Bắc thuộc, nước ta tồn tại ba tôn giáo: Nho, Phật, Đạo. Nho giáo do gắn liền với quan lại cai trị Bắc phương nên về cơ bản không được người dân Việt chấp nhận. Mặt khác, Nho giáo chỉ ảnh hưởng ở những trí sở nơi quan lại Bắc phương sinh sống. Đạo giáo do tính xuất thế, tu tiên nên cũng chậm đi vào làng xã.

Truyền bá, phát triển Phật giáo vào Việt Nam, ngay từ thời kì đầu Phật giáo đã hòa vào văn hóa Việt Nam, sản sinh ra Phật giáo dân gian với hệ thống Phật Tứ pháp (Vân, Vũ, Lôi, Điện) và sản sinh ra những giá trị văn hóa mới khác. Phật giáo đi vào làng xã. Làng xã Việt Nam có nguồn gốc từ công xã nông thôn trở thành đơn vị hạt nhân của quốc gia. Đó là một cộng đồng dân cư bền chặt. ở đó vừa là quan hệ dòng máu (họ tộc) và là quan hệ láng giềng. Khi đạo Phật truyền vào làng xã thì làng xã ngoài việc là đơn vị hành chính còn là một cộng đồng tôn giáo - Phật giáo. Để rồi hình thành nên quan niệm: *Đất vua, chùa làng*. Chùa làng trở thành qui điểm cố kết nhân tâm, chùa

1. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội, 1992, tr. 81.

làng dưới sự dẫn dắt của các tăng sĩ còn là nơi giáo dục dạy dỗ người dân trong làng sống theo đạo lý Phật giáo. Phật giáo góp phần tạo nên văn hóa làng Việt. Mà văn hóa làng Việt là sự hợp thành của văn hóa Việt tộc truyền thống. Các nhà nghiên cứu chủ trương rằng hơn một nghìn năm Bắc thuộc, dân tộc ta mất nước mà không mất làng, văn hóa làng mà hàm lượng của nó chứa nhiều văn hóa Phật giáo vẫn tồn tại.

Gắn bó với văn hóa làng, gắn bó với Việt tộc, trước những chính sách đô hộ hà khắc của Bắc phương, đặc biệt là chính sách đô hộ của nhà Đường đã là những điều kiện nội tại và ngoại tại hun đúc cho các thiền sư Việt Nam ý thức về một nền độc lập dân tộc. Nó bắt đầu đặt nền móng cho việc Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc. Và đến thời Đinh - Tiền Lê thì nền móng đó dần trở nên vững chắc.

Phật giáo bước đầu cung cấp cho nhà nước Đinh - Tiền Lê hệ tư tưởng trị nước

Đẹp xong loạn 12 sứ quân, năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, lấy niên hiệu Thái Bình. Sử cũ ghi: Đinh Tiên Hoàng “Đứng lên mà dẹp yên nước, nổi tiếng anh hùng Vạn Thắng vương gồm được cả đất đai mười hai sứ quân. Nước bị chia sẻ đã lâu nay thành thống nhất”⁽²⁾. Hoa Lư (nay thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình) được chọn làm kinh đô của nhà Đinh sau này là nhà Tiền Lê. Đặt tên nước, dựng đô, chế định triều nghi là những việc mà vị vua đầu tiên của nhà Đinh - Đinh Tiên Hoàng quan tâm trước hết. Một điều quan trọng không kém là

Đinh Tiên Hoàng và các vị vua tiếp theo trị nước theo hệ tư tưởng nào. Khác với triều đại Lý, Trần khi trị vì thiên hạ hai triều đại này được kế thừa tư tưởng Phật giáo được định hình thời Đinh - Tiền Lê, lấy đó làm hệ tư tưởng chủ đạo để trị nước. Trong khi đó triều đại Đinh, tiếp theo là Tiền Lê, nhận ra và sử dụng tư tưởng của Phật giáo là một quá trình. Nguyên nhân thì có nhiều. Nhưng theo chúng tôi có hai nguyên nhân chính sau đây.

Thứ nhất: Nhà Đinh nắm quyền cai quản thiên hạ trong điều kiện thế và lực chưa đủ mạnh, nạn cát cứ bị dập tắt nhưng mầm mống vẫn còn. Giặc Tống ngoài cõi rình rập xâm lược nên hình phạt của nhà Đinh sau đó là nhà Tiền Lê thường là nặng nề và tàn khốc, khác với hình phạt thời Lý, Trần.

Sử ghi, thời Đinh “Vua đặt vạc dầu lớn ở sân triều, nuôi hổ trong cũi, hạ lệnh rằng kẻ nào phạm pháp sẽ bị nấu trong vạc dầu, bị hổ ăn thịt”⁽³⁾. Hình phạt thời Tiền Lê hà khắc cũng không kém. Sử ghi, Vua Lê trừng phạt các tù phạm bằng nhiều cách như lấy rơm tắm dầu bó vào người các tù phạm để đốt sống; lấy dao ngắn, dao cùn xẻo dần từng mảnh thịt, nhốt tù phạm vào trong cũi, thả xuống sông, bắt người treo lên ngọn cây cao rồi chặt gốc cho cây đổ.

Thứ hai, tư tưởng Phật giáo đậm nét ở làng xã hủn đã có tác động đến tư tưởng trị nước của triều đình. Đồng thời với việc triều đại Đinh - Tiền Lê sử dụng các thiền sư - trí thức của dân tộc lúc bấy giờ vào việc trị vì dân tộc tất sẽ chịu ảnh

2. Ngô Thì Sĩ. *Việt sử tiêu án*, Sài Gòn, 1960, tr. 93.

3. *Việt sử lược*, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội, 1960, tr. 5.

hưởng của tư tưởng Phật giáo từ các thiền sư.

Thời Tiên Lê, Lê Hoàn có lần hỏi thiền sư Pháp Thuận về vận nước, về biện pháp chấm dứt nội chiến, thiền sư trả lời Vua bằng bài kệ:

Quốc tộ như đằng lạc
Nam thiên lí thái bình
Vô vi cư diện các
Xứ xứ tức đao binh

Dịch nghĩa: Vận nước đang lên như dây cuốn/trời Nam đã mở ra một vận hội thái bình/hãy dùng đạo vô vi làm cơ sở của đường lối trị nước/nơi nơi sẽ hết chiến tranh.

Vô vi ở đây được hiểu là “Vô vi nhi vô bất vi” nghĩa là không làm nhưng không có cái gì mà không làm.

Với bài kệ, ý thiền sư là muốn ngôi Vua bền vững thì phải đoàn kết và thực hành từ bi.

Song có lẽ do triều đại Đinh - Tiên Lê tồn tại trong thời gian ngắn (968 – 1009) với biết bao công việc, đặc biệt các vị Vua kế cận triều Đinh và triều Tiên Lê kém cỏi hơn Vua cha nên những tư tưởng của Phật giáo chỉ ảnh hưởng bước đầu đến đường lối trị nước của triều đại Đinh - Tiên Lê.

Các thiền sư tham gia chính sự giúp vua trị vì đất nước

Đây là nét nổi bật của Phật giáo thời Đinh - Tiên Lê. Nếu như về tư tưởng trị nước triều đại Đinh - Tiên Lê mới chỉ bước đầu chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo thì trong việc điều hành chính sự triều đại Đinh - Tiên Lê nhận được sự

tham gia trực tiếp, có hiệu quả từ các thiền sư.

Năm 971, nghĩa là sau 4 năm lên ngôi, vua Đinh Tiên Hoàng định giai phẩm cho các quan văn võ và tăng đạo, lập chức Tăng thống Phật giáo (đứng đầu giáo hội Tăng già) phong thiền sư Ngô Chân Lưu làm Tăng thống, tôn xưng là Khuông Việt đại sư. Khuông Việt có nghĩa là giúp nước Việt.

Theo *Thiếu Uyển Tập anh*, dưới thời Tiên Lê, Vua Lê Đại Hành rất kính trọng Khuông Việt đại sư. Vua thường mời thiền sư tham gia vào việc quốc gia đại sự. Khuông Việt đại sư được Vua Lê giao cho làm một từ khúc để tiễn biệt sứ giả nhà Tống là Lý Giác. Bài từ có tên là *Ngọc lang quy* được xem là một từ khúc ngoại giao nổi tiếng. Nội dung không chỉ nói về nỗi buồn của sự tiễn biệt vị sứ giả mà còn khéo léo lồng vào đó việc đấu tranh ngoại giao về việc biên cương.

Dịch nghĩa:

Nhờ vị sứ lang
Xin lưu ý đến việc biên cương
Tâu rõ lên Thánh hoàng

Dưới triều Tiên Lê về tham gia chính sự còn nổi lên vai trò của các thiền sư như Pháp Thuận (mất năm 991), Vạn Hạnh (mất năm 1016) thuộc thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

Pháp Thuận dùng nghệ thuật sấm vĩ giúp Lê Đại Hành lên ngôi Vua. *Thiếu Uyển Tập anh* viết về ông như sau: “Trong buổi đầu sáng nghiệp của triều Lê, ông có công trù tính và quyết định kế hoạch cùng chính sách; nhưng khi thiên hạ đã thái bình thì không chịu nhận

phong thưởng. Vua Lê Đại Hành rất kính trọng, không gọi tên, chỉ xưng hô là Đồ Pháp sư mà thôi.

Khi sứ giả nhà Tống là Lý Giác đến kinh thành Hoa Lư bang giao, Vua Lê Đại Hành cử ông cải trang làm người lái đò đón tiếp. Với tư tưởng nước lớn, coi thường nước nhỏ, khi nhìn thấy đôi thiên nga bơi, Lý Giác liền đọc câu thơ:

Nga nga lưỡng nga nga

Ngưỡng diện hướng thiên nga

Dịch nghĩa:

Ngỗng ngỗng hai con ngỗng

Ngửa mặt nhìn trời cao.

Pháp Thuận liền đối:

Bạch mao phô lục thủy

Hồng trạo bãi thanh ba

Dịch nghĩa:

Nước xanh phô lông trắng

Chèo hồng sóng xanh bơi.

Thân ý của thiên sư là: Ta đâu có nhìn trời cao (Thiên tử - Đại Hán). Viên sứ giả nhà Tống vì thế rất thán phục, chỉ còn biết im lặng.

Và cũng chính Pháp Thuận làm bài kệ trả lời Vua Lê Đại Hành về sự bền vững của vận nước (đã đề cập ở phần trên).

Thiên sư Vạn Hạnh, họ Nguyễn người Cổ Pháp (Từ Sơn, Bắc Ninh ngày nay) tư chất thông tuệ, thấu hiểu tam giáo (Nho, Phật, Đạo). Ông được Vua Lê Đại Hành tôn kính bởi những dự báo thiên tài về thất bại của quân xâm lược Tống do Hầu Nhân Bảo cầm đầu sang xâm lược nước ta, và sẽ thắng khi đem quân đến Chiêm Thành cứu sứ giả; và còn bởi những tham mưu chính sự khác giúp rập triều Tiền Lê. Song cũng chính Vạn Hạnh khi nhận thấy nhà Tiền Lê đi vào ngõ cụt với người đứng đầu là Lê Long Đĩnh vị vua ăn chơi sa đọa, đối xử tàn nhẫn với nhà sư (róc mía trên đầu sư, giả nhỡ tay cho dao phập vào đầu sư) đã chủ động làm cuộc vận động, tạo dư luận để đưa Lý Công Uẩn lên ngôi Vua, lập ra nhà Lý. Và rồi ông được nhà Lý tôn xưng làm Quốc sư.

Với việc tham gia chính sự của các thiên sư mà tiêu biểu là Khuông Việt đại sư, Pháp Thuận, Vạn Hạnh/Quốc sư, Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê đã đặt nền móng vững chắc cho Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc. /.